

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Anh Đức, ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-NHGD ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã Đ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Trần V C, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: xã G, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: xã Đ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 04 tháng 4 năm 2022 của bà Lê Thị H T thể hiện:

Bà T và ông C kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Mỹ Xuyên vào ngày 23/10/2012. Sau khi kết hôn, bà T và ông C chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì thường phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng. Nay bà T nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông C có 01 con chung tên Trần Lê N H, sinh ngày 14/11/2015, hiện con chung đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Trần V C: Ông Trần V C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T, ông C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà T, ông C vắng mặt. Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị H T và ông Trần V C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H T và ông Trần V C tự nguyện tổ chức cưới và đăng ký kết hôn, được UBND xã Đ, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 23/10/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H T và ông Trần V C là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H T, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà T và ông C chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng do bất đồng ý kiến. Ông bà đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhưng đến nay không giải quyết được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông C có 01 người con chung là Trần Lê N H, sinh ngày 14/11/2015. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay con chung đang do bà T nuôi dưỡng nên nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung là Trần Lê N H cho bà T trực tiếp nuôi đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Trần V C được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lê Thị H T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều

280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H T đối với bị đơn ông Trần V C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H T được ly hôn với ông Trần V C.
2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị H T được quyền trực tiếp nuôi con chung là Trần Lê N H, sinh ngày 14/11/2015 cho đến khi Trần Lê N H đủ 18 tuổi. Ông Trần V C được quyền thăm nom con chung Trần Lê N H, không ai được quyền cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị H T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.
5. Về án phí: Bà Lê Thị H T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009932 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Lê Thị H T đã nộp xong.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A ĐS Cương kiện Mỹ Xuyên;
- UBND xã nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến